

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 01 - 2025.

“Về việc ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Xuân Trà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Thịnh; bà Ninh Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 140/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST ngày 19/12/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm B, xã Ô, huyện P, tỉnh Thái nguyên (Có mặt)

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái Th, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện P, tỉnh Thái nguyên (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Chị Ph kết hôn với anh Nguyễn Thái Th trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ôn Lương, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 15/12/1990. Sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th không chịu làm ăn, không lo kinh tế gia đình, thường xuyên chơi bời rồi nghiện ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không

thể kéo dài nên vợ chồng đã ly thân từ năm 1993 đến nay. Trong thời gian ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, anh Th thường xuyên vắng nhà, chị Ph không biết anh Th đi đâu, ở đâu, và cũng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, chị Ph đã nhiều lần liên lạc để khuyên anh Th quay về lo làm ăn xây dựng gia đình nhưng anh Th không thay đổi nên tình trạng hôn nhân không thể duy trì được. Nay chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Vợ chồng chị Ph, anh Th có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1993, nay con chung đã trên 18 tuổi và đã xây dựng gia đình riêng.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị Ph, anh Th không nợ ai và không cho ai nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập đối với anh Th, nhưng anh Th đều vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải để chị Ph anh Th đoàn tụ nên phải đưa vụ án ra xét xử. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Hợp Thành đối với anh Th, kết quả thể hiện: Tại thời điểm xác minh anh Th vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương xã Hợp Thành, nhưng anh Th không có mặt tại địa phương, theo người thân sống chung gia đình với anh Th là anh Nguyễn Thái Hồng, sinh năm 1973 (là em trai anh Th) cho biết anh Th thường xuyên đi vắng, thỉnh thoảng mới về nhà, anh Hồng không biết anh Th ở đâu, có hỏi thì anh Th cũng không nói cho anh Hồng biết, chính quyền địa phương cũng không nắm được.

Tại phiên tòa chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh Th.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, vụ án đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ph về việc xin ly hôn đối với anh Nguyễn Thái Th. Về con chung đã trên 18 tuổi không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn mà bị đơn có hộ khẩu thường trú tại, xã Hợp Thành, huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thái Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Th là đúng quy định.

[2]. Về nội dung: Chị Ph và anh Th kết hôn năm 1990 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đó đó hôn nhân giữa chị Ph và anh Th là hôn nhân hợp pháp. Nay, chị Ph đề nghị được ly hôn với anh Th là vì giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng trong làm ăn kinh tế và sinh hoạt gia đình. Chị Ph đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Th không thay đổi dẫn đến không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1993 đến nay. Trong thời gian ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, anh Th thường xuyên vắng nhà, chị Ph không biết anh Th đi đâu, ở đâu, làm gì. Chị Ph đã nhiều lần liên lạc để khuyên anh Th quay về nhưng anh Th không nghe. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ph xin được ly hôn với anh Th là có căn cứ.

Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của Nguyễn Thái Hồng là em trai của anh Th. Ông Hồng trình bày: anh ở cùng nhà với vợ chồng chị Ph, anh Th nên anh biết sau khi chị Ph kết hôn với anh Th, về cùng ở tại Xóm P, xã H, huyện P, Thái Nguyên. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Ph, anh Th có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th không chịu làm ăn, vợ chồng đã ly thân từ năm 1993 đến nay. Hiện anh Th thỉnh thoảng mới về rồi lại đi luôn và cũng không cho gia đình biết anh ở đâu, làm gì; Về con chung, chị Ph và anh Th có 01 con chung sinh năm 1993, hiện đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình riêng. Về tài sản chung là không có gì; về nợ chung không có.

Như vậy, nội dung trình bày của chị Ph tại đơn khởi kiện và trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như kết quả xác minh tại địa phương. Sau khi xem xét, đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị Ph, anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, thời gian sống ly thân đã lâu mà tình cảm dành cho nhau không còn, không còn khả năng đoàn tụ để xây dựng gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Ph đề nghị giải quyết việc ly hôn với

anh Th là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng chị Ph và anh Th có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1993 nay đã trên 18 tuổi và đã xây dựng gia đình riêng nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ph chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ pháp luật:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27

Áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ph đối với anh Nguyễn Thái Th. Chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn với anh Nguyễn Thái Th.

2.2. Về con chung: Không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0004690 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Chị Ph đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt chị Ph, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt anh Nguyễn Thái Th, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (01b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND h. Phú Lương;
- Chi cục THADS h. Phú Lương
- Các đương sự ;
- UBND xã Ôn Lương, h. Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (01b);
- Lưu.

Tạ Xuân Trà

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Xuân Trà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Xuân Trà